

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: Quản trị mạng window Server

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360323	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02TM14C1	6.7	Đạt
2	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1	2.4	Thi lại
3	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	2.4	Thi lại
4	2213360143	Phan Vĩnh Đăng	27/02/2006	02TM14C1	4.0	Đạt
5	2213360297	Nguyễn Hải Đăng	24/04/2006	02TM14C1	4.3	Đạt
6	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1	2.8	Thi lại
7	2213360186	Trịnh Hoàng Đô	02/06/2006	02TM14C1	5.3	Đạt
8	2213360083	Lý Gia Hân	27/09/2006	02TM14C1	5.7	Đạt
9	2213240079	Nguyễn Trung Hậu	09/06/1997	02TM14A1	5.9	Đạt
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2006	02TM14C1	5.7	Đạt
11	2213360111	Lê Gia Huân	26/06/2006	02TM14C1	6.3	Đạt
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy	31/10/2006	02TM14C1	5.7	Đạt
13	2213360221	Trần Vũ Minh Huy	23/04/2006	02TM14C1	6.4	Đạt
14	2213360072	Lê Quốc Duy Khang	31/03/2004	02TM14C1	6.1	Đạt
15	2213360126	Châu Tuấn Khang	25/10/2006	02TM14C1	5.4	Đạt
16	2213360124	Trần Đăng Khoa	01/12/2006	02TM14C1	5.5	Đạt
17	2213360107	Phùng Ngô Anh Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	4.2	Đạt
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng Linh	03/01/2004	02TM14C1	5.4	Đạt
19	2213360282	Ngô Phúc Lộc	06/06/2006	02TM14C1	6.1	Đạt
20	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	5.4	Đạt
21	2213360281	Bùi Trung Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	5.4	Đạt
22	2213240196	Thân Thị Nguyễn	30/04/1999	02TM14A1	6.3	Đạt
23	2213360024	Trịnh Thanh Phong	14/01/2004	02TM14C1	5.9	Đạt
24	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	2.9	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: Quản trị mạng window Server

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
25	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1	5.8	Đạt
26	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	6.2	Đạt
27	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh Phúc	11/08/2005	02TM14C1	5.7	Đạt
28	2213360368	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	02TM14C1	6.1	Đạt
29	2213360351	Lê Đăng Nhựt Quang	21/12/2003	02TM14C1	5.5	Đạt
30	2213360309	Trần Công Thành	27/06/2005	02TM14C1	6.4	Đạt
31	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng Trâm	21/09/1993	02TM14A1	7.3	Đạt
32	2213360352	Huỳnh Thanh Tú	21/06/2004	02TM14C1	0.0	Học lại
33	2213360134	Nguyễn Hoàng Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	6.6	Đạt
34	2213360175	Lê Anh Tuấn	09/11/2006	02TM14C1	5.7	Đạt
35	2213360056	Thái Quốc Tường	27/05/2003	02TM14C1	5.4	Đạt
36	2213360086	Nguyễn Văn Việt	28/06/2006	02TM14C1	2.4	Thi lại
37	2213360353	Lưu Nguyễn Ngọc Vinh	17/09/2003	02TM14C1	0.0	Học lại
38	2203360227	Trần Tuấn Long	22/08/2002	02TM14C1	5.3	Đạt
39	2203360229	Nguyễn Hoàng Tiến	28/05/2005	02TM13C1	3.8	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT - BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360323	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02TM14C1	5.3	Đạt
2	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1	6.0	Đạt
3	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	6.1	Đạt
4	2213360143	Phan Vĩnh Đăng	27/02/2006	02TM14C1	4.8	Đạt
5	2213360297	Nguyễn Hải Đăng	24/04/2006	02TM14C1	5.5	Đạt
6	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1	0.0	Học Lại
7	2213360186	Trịnh Hoàng Đô	02/06/2006	02TM14C1	6.8	Đạt
8	2213360083	Lý Gia Hân	27/09/2006	02TM14C1	5.6	Đạt
9	2213240079	Nguyễn Trung Hậu	09/06/1997	02TM14A1	8.5	Đạt
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2006	02TM14C1	6.0	Đạt
11	2213360111	Lê Gia Huân	26/06/2006	02TM14C1	6.0	Đạt
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy	31/10/2006	02TM14C1	2.4	Thi lại
13	2213360221	Trần Vũ Minh Huy	23/04/2006	02TM14C1	7.3	Đạt
14	2213360072	Lê Quốc Duy Khang	31/03/2004	02TM14C1	7.1	Đạt
15	2213360126	Châu Tuấn Khang	25/10/2006	02TM14C1	5.6	Đạt
16	2213360124	Trần Đăng Khoa	01/12/2006	02TM14C1	6.1	Đạt
17	2213360107	Phùng Ngô Anh Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	5.5	Đạt
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng Linh	03/01/2004	02TM14C1	5.4	Đạt
19	2213360282	Ngô Phúc Lộc	06/06/2006	02TM14C1	6.5	Đạt
20	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện Nhân	12/22/2006	02TM14C1	0.0	Học Lại
21	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	2.9	Thi lại
22	2213360281	Bùi Trung Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	6.2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT - BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
23	2213240196	Thân Thị Nguyễn	30/04/1999	02TM14A1	6.1	Đạt
24	2213360024	Trịnh Thanh Phong	14/01/2004	02TM14C1	7.3	Đạt
25	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	2.8	Thi lại
26	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1	5.8	Đạt
27	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	7.7	Đạt
28	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh Phúc	11/08/2005	02TM14C1	6.8	Đạt
29	2213360368	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	02TM14C1	6.6	Đạt
30	2203360229	Nguyễn Hoàng Tiến	28/05/2005	02TM13C1	0.0	Học Lại
31	2213360351	Lê Đăng Nhựt Quang	21/12/2003	02TM14C1	7.5	Đạt
32	2213360309	Trần Công Thành	27/06/2005	02TM14C1	7.1	Đạt
33	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng Trâm	21/09/1993	02TM14A1	0.0	Học Lại
34	2213360352	Huỳnh Thanh Tú	21/06/2004	02TM14C1	0.0	Học Lại
35	2213360134	Nguyễn Hoàng Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	6.4	Đạt
36	2213360175	Lê Anh Tuấn	09/11/2006	02TM14C1	4.9	Đạt
37	2213360056	Thái Quốc Tường	27/05/2003	02TM14C1	2.4	Thi lại
38	2213360086	Nguyễn Văn Việt	28/06/2006	02TM14C1	0.0	Học Lại
39	2213360353	Lưu Nguyễn Ngọc Vinh	17/09/2003	02TM14C1	0.0	Học Lại
40	1832420340	Đinh Quốc Hiệp	19/03/2000	02TW11A1	7.7	Đạt
41	1833620323	Phạm Hoàng Gia Tuấn	29/12/2003	02TM11C1	7.7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
						TB Môn	KQ1
1	2213360323	Bùi Duy	Anh	19/10/2006	02TM14C1	4.2	Đạt
2	2213360373	Diệp Trường	Chinh	15/06/2005	02TM14C1	2.8	Thi lại
3	2213360137	Nguyễn Văn	Cường	28/06/2006	02TM14C1	4.0	Đạt
4	2213360143	Phan Vĩnh	Đăng	27/02/2006	02TM14C1	7.4	Đạt
5	2213360297	Nguyễn Hải	Đăng	24/04/2006	02TM14C1	7.6	Đạt
6	2213360231	Nguyễn Thành	Danh	28/01/2006	02TM14C1	5.1	Đạt
7	2213360186	Trịnh Hoàng	Đô	02/06/2006	02TM14C1	4.9	Đạt
8	2213360083	Lý Gia	Hân	27/09/2006	02TM14C1	7.8	Đạt
9	2213240079	Nguyễn Trung	Hậu	09/06/1997	02TM14A1	8.3	Đạt
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu		28/11/2006	02TM14C1	7.1	Đạt
11	2213360111	Lê Gia	Huân	26/06/2006	02TM14C1	6.4	Đạt
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy		31/10/2006	02TM14C1	2.6	Thi lại
13	2213360221	Trần Vũ Minh	Huy	23/04/2006	02TM14C1	6.6	Đạt
14	2213360072	Lê Quốc Duy	Khang	31/03/2004	02TM14C1	5.8	Đạt
15	2213360126	Châu Tuấn	Khang	25/10/2006	02TM14C1	7.9	Đạt
16	2213360124	Trần Đăng	Khoa	01/12/2006	02TM14C1	5.2	Đạt
17	2213360107	Phùng Ngô Anh	Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	2.7	Thi lại
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng	Linh	03/01/2004	02TM14C1	6.6	Đạt
19	2213360282	Ngô Phúc	Lộc	06/06/2006	02TM14C1	7.9	Đạt
20	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện	Nhân	12/22/2006	02TM14C1	7.2	Đạt
21	2213360140	Bùi Đình Đức	Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	3.5	Thi lại
22	2213360281	Bùi Trung	Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	7.6	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
23	2213240196	Thân Thị Nguyễn	30/04/1999	02TM14A1	7.9	Đạt
24	2213360024	Trịnh Thanh Phong	14/01/2004	02TM14C1	7.5	Đạt
25	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	3.5	Thi lại
26	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1	6.3	Đạt
27	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	8.2	Đạt
28	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh Phúc	11/08/2005	02TM14C1	6.7	Đạt
29	2213360368	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	02TM14C1	0.0	Học lại
30	2203360229	Nguyễn Hoàng Tiến	28/05/2005	02TM13C1	0.0	Học lại
31	2213360351	Lê Đăng Nhựt Quang	21/12/2003	02TM14C1	7.8	Đạt
32	2213360309	Trần Công Thành	27/06/2005	02TM14C1	5.8	Đạt
33	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng Trâm	21/09/1993	02TM14A1	3.3	Thi lại
34	2213360352	Huỳnh Thanh Tú	21/06/2004	02TM14C1	0.0	Học lại
35	2213360134	Nguyễn Hoàng Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	7.7	Đạt
36	2213360175	Lê Anh Tuấn	09/11/2006	02TM14C1	2.9	Thi lại
37	2213360056	Thái Quốc Tường	27/05/2003	02TM14C1	2.8	Thi lại
38	2213360086	Nguyễn Văn Việt	28/06/2006	02TM14C1	1.0	Học lại
39	2213360353	Lưu Nguyễn Ngọc Vinh	17/09/2003	02TM14C1	0.0	Học lại
40	2203240284	Nguyễn Hưng	17/03/1996	02TM13B1	7.2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: CÁC DỊCH VỤ MẠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360323	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02TM14C1	5.2	Đạt
2	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1	4.0	Đạt
3	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	6.8	Đạt
4	2213360143	Phan Vĩnh Đăng	27/02/2006	02TM14C1	5.6	Đạt
5	2213360297	Nguyễn Hải Đăng	24/04/2006	02TM14C1	1.9	Học lại
6	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1	4.4	Đạt
7	2213360186	Trịnh Hoàng Đô	02/06/2006	02TM14C1	6.5	Đạt
8	2213360083	Lý Gia Hân	27/09/2006	02TM14C1	4.4	Đạt
9	2213240079	Nguyễn Trung Hậu	09/06/1997	02TM14A1	9.8	Đạt
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2006	02TM14C1	4.4	Đạt
11	2213360111	Lê Gia Huân	26/06/2006	02TM14C1	8.2	Đạt
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy	31/10/2006	02TM14C1	4.4	Đạt
13	2213360221	Trần Vũ Minh Huy	23/04/2006	02TM14C1	7.6	Đạt
14	2213360072	Lê Quốc Duy Khang	31/03/2004	02TM14C1	7.1	Đạt
15	2213360126	Châu Tuấn Khang	25/10/2006	02TM14C1	7.6	Đạt
16	2213360124	Trần Đăng Khoa	01/12/2006	02TM14C1	6.3	Đạt
17	2213360107	Phùng Ngô Anh Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	4.4	Đạt
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng Linh	03/01/2004	02TM14C1	3.2	Thi lại
19	2213360282	Ngô Phúc Lộc	06/06/2006	02TM14C1	8.1	Đạt
20	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện Nhân	12/22/2006	02TM14C1	0.0	Học lại
21	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	8.6	Đạt
22	2213360281	Bùi Trung Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	7.7	Đạt
23	2213240196	Thân Thị Nguyên	30/04/1999	02TM14A1	9.5	Đạt
24	2213360024	Trịnh Thanh Phong	14/01/2004	02TM14C1	9.4	Đạt
25	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	7.1	Đạt
26	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1	7.8	Đạt
27	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	8.8	Đạt
28	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh Phúc	11/08/2005	02TM14C1	5.9	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: CÁC DỊCH VỤ MẠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
29	2213360368	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	02TM14C1	8.7	Đạt
30	2213360351	Lê Đăng Nhựt	21/12/2003	02TM14C1	8.3	Đạt
31	2213360309	Trần Công Thành	27/06/2005	02TM14C1	8.9	Đạt
32	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng Trâm	21/09/1993	02TM14A1	8.0	Đạt
33	2213360134	Nguyễn Hoàng Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	9.2	Đạt
34	2213360175	Lê Anh Tuấn	09/11/2006	02TM14C1	6.1	Đạt
35	2213360056	Thái Quốc Tường	27/05/2003	02TM14C1	2.3	Thi lại
36	2213360086	Nguyễn Văn Việt	28/06/2006	02TM14C1	0.0	Học lại
37	2213360353	Lưu Nguyễn Ngọc Vinh	17/09/2003	02TM14C1	0.6	Học lại